

Số: *14* /2023/QĐ-UBND

Long An, ngày *20* tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 770/TTr-SGDĐT ngày 14/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên; trẻ em, học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) đang học tại các cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

a) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo quyết định này *(đính kèm)*.

b) Mức thu

- Cơ sở giáo dục chưa tự đảm bảo chi thường xuyên: Mức thu theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo quyết định này *(đính kèm)*.

- Cơ sở giáo dục tự đảm bảo chi thường xuyên: Mức thu bằng 2 lần mức thu quy định tại điểm a khoản này.

3. Cơ chế quản lý thu, chi

a) Việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, thu vừa đủ chi, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; công khai, dân chủ, đúng mục đích.

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường tính theo tháng (theo thực tế thời gian học sinh đến trường).

c) Cơ sở giáo dục công lập sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và tổng hợp vào báo cáo tài chính hàng năm của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

d) Cơ sở giáo dục công lập thực hiện quản lý các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo chế độ kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định pháp luật.

4. Đối tượng được miễn, giảm

a) Miễn thu các khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều 1 quyết định này (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh thuộc trường hợp: con liệt sĩ; có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cả cha và mẹ đều bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

b) Giảm 50% mức thu các khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều 1 quyết định này (không bao gồm tiền ăn) đối với học sinh thuộc trường hợp: con thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) thuộc diện cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

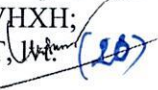
Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2023.

Các nội dung quy định tại quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 (ngày Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh có hiệu lực thi hành).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng VHXX;
- Lưu: VT, 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ
GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN
(Kèm theo Quyết định số 14 /2023/QĐ-UBND ngày 20 /3/2023
của UBND tỉnh Long An)

TT	Nội dung
A	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CÓ QUY ĐỊNH MỨC THU CỤ THỂ
I	MẦM NON
1	Hoạt động bán trú tại trường
a	Dịch vụ bán trú
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng
2	Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (trông giữ trẻ mầm non ngày nghỉ, thứ bảy, chủ nhật)
II	TIỂU HỌC
	Hoạt động bán trú tại trường
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ
1	Hoạt động bán trú tại trường
2	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường
3	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày
IV	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
1	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường
2	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày và dịch vụ học buổi thứ 2 lớp chất lượng cao
B	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO KHÔNG QUY ĐỊNH MỨC THU CỤ THỂ
I	Tiền ăn (ăn sáng, ăn trưa); đồ dùng cho học sinh bán trú; dịch vụ nội trú học sinh trường trung học phổ thông chuyên; dịch vụ đồ dùng học tập; dịch vụ đồng phục: theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh phù hợp với thực tế địa phương.
II	Dịch vụ mua, lắp đặt, sử dụng điện của máy điều hòa: theo tế sử dụng và chi phí mua, lắp đặt máy điều hòa, đồng hồ điện.

TT	Nội dung
III	Dịch vụ tổ chức dạy học tự chọn môn Tiếng Anh lớp 1, lớp 2 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; dịch vụ liên kết tổ chức giảng dạy Chương trình tăng cường Tiếng Anh; dịch vụ làm quen với Tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo; dịch vụ hoạt động năng khiếu, hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống; dịch vụ hoạt động trải nghiệm; dịch vụ hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ đưa đón học sinh từ nơi ở đến cơ sở giáo dục và ngược lại: theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục với cha mẹ học sinh theo hợp đồng hợp tác đào tạo, bồi dưỡng với các tổ chức, cá nhân.

Phụ lục II
MỨC THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC,
ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
VÀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN

(Kèm theo Quyết định số 14 /2023/QĐ-UBND ngày 20 /3/2023
của UBND tỉnh Long An)

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	MẦM NON		
1	Hoạt động bán trú tại trường		
a	Dịch vụ bán trú (Chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; nhân viên kế toán, thủ quỹ phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú; phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt...; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn trưa, giữ trẻ giờ trưa)		
	- Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	312.000
	- Vùng III		296.000
	- Vùng IV		285.000
b	Dịch vụ phục vụ tổ chức ăn sáng	Đồng/bữa sáng/học sinh	4.000
2	Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ (trông giữ trẻ mầm non ngày nghỉ, thứ bảy, chủ nhật)	Đồng/ngày/học sinh	43.000
II	TIỂU HỌC		
	Hoạt động bán trú tại trường		
	Dịch vụ bán trú (Chi trả lương nhân viên nấu ăn; hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt...; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn, giữ học sinh giờ trưa)		
	- Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	225.000
	- Vùng III		205.000
	- Vùng IV		190.000
III	TRUNG HỌC CƠ SỞ		
1	Hoạt động bán trú tại trường		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
	Dịch vụ bán trú (Chi trả lương nhân viên nấu ăn, hỗ trợ viên chức quản lý và giáo viên trực trưa; hỗ trợ nhân viên phục vụ bán trú; phụ phí cho hoạt động bán trú: phục vụ vệ sinh đồ dùng, chất đốt, điện, nước sinh hoạt...; khấu hao tài sản phục vụ việc ăn, giữ học sinh giờ trưa)		
	- Vùng II	Đồng/tháng/học sinh	195.000
	- Vùng III		176.000
	- Vùng IV		168.000
2	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường	Đồng/tiết/học sinh	5.500
3	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày	Đồng/tiết/học sinh	5.500
IV	TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
1	Dịch vụ dạy thêm, học thêm trong nhà trường	Đồng/tiết/học sinh	6.000
2	Dịch vụ dạy học 2 buổi/ngày và dịch vụ học buổi thứ 2 lớp chất lượng cao	Đồng/tiết/học sinh	7.500

Ghi chú: Việc phân loại vùng căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động:

- Vùng II: Thành phố Tân An và các huyện: Đức Hòa, Bến Lức, Thủ Thừa, Cần Đước, Cần Giuộc.

- Vùng III: Thị xã Kiến Tường và các huyện: Đức Huệ, Châu Thành, Tân Trụ, Thạnh Hóa.

- Vùng IV: Các huyện: Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Tân Hưng.